

Số: 866 /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 31 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương ngày 28/4/2023;

Căn cứ báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu chính; Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương như sau:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU			
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn	Triệu m ³	69.395	70,876
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch	Triệu m ³	58.850	60,745
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu	%	11	11
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	6.000	5.208
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	318.824,7	318.824,7
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	526.000	543.303
	- Doanh thu nước sạch	Triệu đồng	508.700	523.644
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	9.600	9.693
	- Nước tinh lọc và hoạt động khác	Triệu đồng	7.700	9.966
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	459.000	486.143
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	67.000	57.160
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	53.300	44.569
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	69.900	84.366
	- Các loại thuế, phí	Triệu đồng	53.736	68.202
	- Cổ tức trả nhà nước	Triệu đồng	16.164	16.164
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	12,8	10,5
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	21	17,9
4	Tổng quỹ lương NLĐ	Triệu đồng	98.732	97.891
5	Tổng lao động	Người	943	926
6	Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng	8,725	8,809



B. Báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

Các chỉ tiêu chính như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN
I	Tổng tài sản	đồng	953.190.668.699
1	Tài sản ngắn hạn	đồng	70.209.983.614
2	Tài sản dài hạn	đồng	882.980.685.085
II	Tổng nguồn vốn	đồng	953.190.668.699
1	Nợ phải trả	đồng	513.316.644.338
2	Vốn chủ sở hữu	đồng	439.874.024.361

(Chi tiết tại báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 đã được công bố thông tin trên website: hdwaco.com.vn)

C. Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	Triệu đồng	53.300.000.000	44.569.312.712
2	Lợi nhuận nộp NSNN (theo Quyết định số 3184/QĐ ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh)	Triệu đồng		13.716.054.871
3	Lợi nhuận để trả cổ tức	Triệu đồng	25.187.000.000	25.248.931.882
4	Trích quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	15.990.000.000	3.119.851.889
5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	12.123.000.000	2.484.474.070
5.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi của BDH	Triệu đồng	329.000.000	0
5.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi của NLD	Triệu đồng	11.794.000.000	2.484.474.070

D. Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

Thời gian chi trả cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến chia cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Văn Phụng

Số: 867 /TTr -HĐQT

Hải Dương, ngày 31 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua 25/6/2021;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và tình hình thực tế sản xuất của các đơn vị trực thuộc trong toàn công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 của công ty, cụ thể như sau:

A. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
I	SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU		
1	- Sản xuất nước sạch đầu nguồn	Triệu m ³	72,376
2	- Sản lượng doanh thu nước sạch	Triệu m ³	61,700
3	- Tỷ lệ thất thoát, thất thu (phần đầu duy trì)	%	11
4	- Phát triển khách hàng	Hộ	5.000
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ)	Triệu đồng	318.824,7
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	546.100
	- Nước sạch	Triệu đồng	529.300
	- Thi công xây lắp	Triệu đồng	7.500
	- Nước tinh lọc và các hoạt động khác	Triệu đồng	9.300
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	488.900
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	57.200
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	45.000
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC		
1	Nộp ngân sách	Triệu đồng	77.068
	- Các loại thuế, phí	Triệu đồng	60.657
	- Cổ tức trả nhà nước (dự kiến)	Triệu đồng	16.411
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	%	10,47
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH	%	17,94
4	Tổng quỹ lương NLD	Triệu đồng	99.377
5	Tổng lao động	Người	940
6	Lương bình quân người/tháng	Triệu đồng	8,81

B. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH
	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	Triệu đồng	45.000
1	Trả cổ tức bằng tiền dự kiến 7,9%	%	25.187
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	Triệu đồng	13.500
3	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: Trong đó:	Triệu đồng	6.313
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động		5.974
	- Quỹ khen thưởng của BDH		339

C. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế đạt được của năm 2024, quy định theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước:

- Quyết định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động;
- Quyết định trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quy định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua ./.

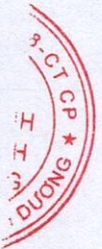
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Văn Phụng



Số: 868 /BC-HĐQT

Hải Dương, ngày 31 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Về kết quả hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT năm 2023 và định hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021.

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021.

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-HĐQT ngày 01/3/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị; Quyết định số 941/QĐ-HĐQT ngày 05/5/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị điều chỉnh phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bầu:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người. Trong đó 01 thành viên là Bà Nguyễn Thị Hương xin từ nhiệm và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê chuẩn.

- Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm (2022-2027);

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: gồm có 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 05 thành viên.

- Cơ quan thường trực của Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch và Phó chủ tịch có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày của công ty.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương, Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 như sau:

I. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu			Tỷ lệ	Ghi chú
			Tổng	Cá nhân	Đại diện		
1	Vũ Mạnh Dũng	Chủ tịch HĐQT	9.604.142	39.400	9.564.742	30,12%	TV HĐQT điều hành
2	Nguyễn Văn Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT	2.818.416	28.700	2.789.716	8,84%	TV HĐQT điều hành
3	Vũ Văn Nhân	Thành viên	2.818.916	29.200	2.789.716	8,84%	TV HĐQT

		HĐQT					điều hành
4	Phạm Minh Cường	Thành viên HĐQT	2.907.119	117.403	2.789.716	9,12%	TV HĐQT điều hành
5	Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	2.819.816	30.100	2.789.716	8,84%	TV HĐQT điều hành
6	Phạm Thị Mận	Thành viên HĐQT	3.900.000		3.900.000	12,23%	TV HĐQT không điều hành

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023:

1. Hoạt động quản trị công ty.

1.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị.

Kể từ ngày 01/01/2023, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức cuộc họp với sự tham dự 100% của các thành viên, đã quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, các quyết nghị, quyết định đều dựa trên sự thống nhất và đồng thuận của các thành viên. Năm 2023 HĐQT đã ban hành các Nghị quyết như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 8 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	20/02/2023	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Báo cáo tài chính quý 4/2022 và cả năm. 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022. 3. Thông qua Tờ trình Quyết toán quỹ lương thực hiện của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý năm 2022 và Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2023. 4. Thông qua Tờ trình phương án vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hải Dương 5. Thông qua Tờ trình phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hải Dương. 6. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động trong dịp nghỉ lễ 30/4 - 01/5 năm 2023. 7. Thông qua Tờ trình kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2023.

			<p>8. Thông qua Tờ trình Kế hoạch bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị đợt 1 năm 2023.</p> <p>9. Thông qua Tờ trình về việc Hỗ trợ trang phục áo dài cho công nhân viên – người lao động nữ.</p> <p>10. Thông qua Tờ trình chi quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023</p> <p>11. Thông qua Tờ trình cử đoàn công tác tại nước ngoài.</p> <p>12. Và một số công tác khác.</p>
2	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 9 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	12/4/2023	<p>1. Thông qua Báo cáo tài chính quý 1/2023.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình quy chế khoán tiền lương và vật rẻ mau hồng năm 2023.</p> <p>3. Thông qua Đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 của Bà Nguyễn Thị Hương.</p> <p>4. Thông qua Tờ trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa năm 2023.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình kiện toàn bộ máy tổ chức cán bộ.</p> <p>6. Và một số công tác khác.</p>
3	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 10 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	31/5/2023	<p>1. Thông qua Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023;</p> <p>2. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động nghỉ dưỡng, bồi dưỡng sức khỏe năm 2023;</p> <p>3. Thông qua Tờ trình bỏ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ các đơn vị trực thuộc.</p> <p>4. Và một số công tác khác.</p>
4	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 11 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	20/7/2023	<p>1. Thông qua Báo cáo tài chính quý 2/2023 và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm;</p> <p>2. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động dịp nghỉ lễ 02/9/2023;</p>

			<p>3. Thông qua Tờ trình Hỗ trợ Hội cựu chiến binh thăm, viếng nghĩa trang liệt sỹ Quốc gia Trường Sơn và các khu di tích lịch sử cách mạng thuộc tỉnh Quảng Bình- Quảng Trị.</p> <p>4. Thông qua Tờ trình Hỗ trợ xây nhà cho hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Dương.</p> <p>5. Thông qua Tờ trình về việc phê duyệt kế hoạch, bố trí vốn đầu tư XDCB, mua sắm thiết bị đợt 2 năm 2023 và điều chỉnh tổng mức đầu tư các dự án công trình.</p> <p>6. Thông qua Tờ trình vay vốn ngân hàng đợt 2 năm 2023</p> <p>7. Thông qua Tờ trình chi trả cổ tức năm 2022.</p> <p>8. Và một số công tác khác.</p>
5	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 12 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	23/10/2023	<p>1. Thông qua Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023.</p> <p>2. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD 9 tháng năm 2023, ước kết quả hoạt động SXKD cả năm 2023.</p> <p>3. Tờ trình thông qua phương án vay vốn trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hải Dương đợt 3</p> <p>4. Thông qua Tờ trình hỗ trợ người lao động trong dịp Tết dương lịch.</p> <p>5. Và một số công tác khác.</p>
6	Nghị quyết cuộc họp lần thứ 13 HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	27/12/2023	<p>1. Thông qua Báo cáo Ước kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023.</p> <p>2. Thông qua Tờ trình điều chuyển nguồn vốn các công trình năm 2023.</p> <p>3. Thông qua Tờ trình Kế</p>

		hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024. 4. Thông qua Tờ trình Danh mục các dự án công trình đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm chuyên tiếp năm 2023 và Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2024. 5. Thông qua Tờ trình kế hoạch cung ứng vật tư, thiết bị và danh sách lựa chọn đơn vị cung ứng năm 2024. 6. Thông qua Tờ trình trích bổ sung Quỹ tiền lương của Người lao động, Quỹ tiền lương, thù lao của Người quản lý năm 2023. 7. Và một số công tác khác.
--	--	--

Ngoài việc tham dự các cuộc họp HĐQT trực tiếp, các thành viên HĐQT còn tích cực cho ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời có các ý kiến chỉ đạo nâng cao công tác quản trị công ty. HĐQT yêu cầu Tổng giám đốc, các bộ phận có liên quan cung cấp thông tin về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD để kịp thời nắm bắt tình hình và cho ý kiến chỉ đạo.

1.2. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Công ty thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định của Chính phủ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

- Công bố thông tin và quản lý cổ đông, cổ phiếu.

+ HĐQT phân công người thực hiện bố thông tin theo đúng quy định, đảm bảo đúng thời gian, các nội dung công bố như: Tình hình quản trị công ty, Người điều hành nghỉ chế độ, các báo cáo tài chính quý, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác gửi UBCK, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, đăng công khai tại website của Công ty, đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch, đồng thời để các cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của công ty.

+ Dữ liệu cổ đông của công ty được lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và được theo dõi định kỳ về sự thay đổi của các cổ đông.

Tổng số cổ đông tại thời điểm 05/9/2023: 931 cổ đông

Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	926	31.862.870	99,94
1	Tổ chức	03	26.123.606	81,94
2	Cá nhân	923	5.739.264	18,00
II	Cổ đông nước ngoài		19.600	0,06
1	Tổ chức	02	17.400	0,05
2	Cá nhân	04	2.200	0,01
	Tổng cộng	931	31.882.470	100

(UBND tỉnh Hải Dương: 65%; 02 nhà đầu tư chiến lược trong nước: 16,937%)

2. Kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023.

2.1. Kết quả thực hiện định hướng chiến lược và kế hoạch HDSXKD năm 2023.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã giao cho Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện, với nhiều giải pháp trên các lĩnh vực như: Tiếp tục triển khai hoàn thiện các dự án, công trình chuyên tiếp năm 2022 đồng thời triển khai các dự án, công trình mới năm 2023: Triển khai dự án Xây dựng trạm bơm tăng áp xã Vĩnh Hồng, Bình Giang - CNKDNS số 10; hoàn thiện công trình Xây dựng cụm lắng lọc công suất 6000 m³/ ngày đêm - CN KDNS số 3; Xây dựng tuyến ống truyền tải HDPE D710 từ trạm Cẩm Giàng đến cầu Ghẽ - CN KDNS số 10; Xây dựng đường ống truyền tải HDPE D280 nâng cao năng lực cấp nước cho các xã Kiến Quốc, Hồng Phúc và Tân Phong, huyện Ninh Giang; hoàn thiện các giai đoạn của dự án Xây dựng tuyến ống truyền tải HDPE D400 cấp nước cho trạm bơm tăng áp Vĩnh Hồng; Đầu tư cải tạo, thay thế máy bơm trạm bơm cấp II- Trạm Thạch Khôi - CN KDNS số 6; Xây dựng bể chứa nước sạch - CN KDNS số 10 ...và một số dự án, công trình khác cải tạo nâng công suất nhà máy, các tuyến ống truyền tải theo chủ trương đã được phê duyệt; cải tạo, thay thế, đầu tư mới các máy móc thiết bị các nhà máy và các trạm bơm tăng áp, chất lượng nước đảm bảo theo các tiêu chuẩn của quy chuẩn của Bộ Y tế, áp lực, lưu lượng luôn đáp ứng nhu cầu tiêu thụ, xây dựng. Năm 2023 Công ty đã đầu tư mới hơn 49 km đường ống truyền tải mới với kinh phí đầu tư hơn 12 tỷ đồng, cải tạo thay thế di chuyển hơn 142,1 km đường ống truyền dẫn với kinh phí đầu tư hơn 27,8 tỷ đồng; Thay thế 20.710 đồng hồ không đảm bảo chính xác và hết niên hạn sử dụng; nâng, chuyển 8.919 cụm đồng hồ cho các hộ tiêu thụ; sửa chữa 12.570 điểm rò rỉ và thực hiện nhiều biện pháp chống thất thoát như: Phân vùng tách mạng, thiết lập các Block (DMA) để quản lý, lắp van thông minh điều tiết áp lực, lắp đặt Sensor kiểm soát lưu lượng, áp lực vận hành điều tiết cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát và nâng cao tuổi thọ của thiết bị, đường ống

Tuy nhiên do diễn biến tình hình kinh tế trong nước và thế giới biến động lớn, chiến tranh Nga – Ucraina, xung đột Isarel - Palestin... gây rất nhiều khó khăn cho công ty, mặc dù công ty đã đẩy nhanh tiến độ các dự án công trình cũng như tăng cường đầu nối, phát triển khách hàng.

Về một số chỉ tiêu tài chính: Doanh thu tăng 3,29% so với kế hoạch, Chi phí tăng 5,91% so với kế hoạch, trong đó: chi phí sửa chữa thường xuyên tăng 13,6% so với kế hoạch, chi phí tài chính tăng 27,7% so với kế hoạch. Từ những nguyên nhân, giải trình các chi phí thực hiện phát sinh lớn so với kế hoạch năm 2023 trên, dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2023 giảm so với kế hoạch.

Sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Lợi nhuận sau thuế phân phối theo thứ tự quy định tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ Công ty thực hiện như sau: Nộp lại số tiền khai thác vượt cấp quyền khai thác theo Quyết định số 3184/QĐ-XPHC ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương; Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển nhưng công ty đã chủ động giảm xuống và Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động tối đa bằng 03 tháng lương thực hiện, công ty đã giảm xuống còn 0,3 tháng lương; không trích Quỹ thưởng ban điều hành do lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch và bị

truy thu tiền khai thác vượt cấp quyền khai thác; Lợi nhuận còn lại thực hiện chi trả cổ tức công ty vẫn duy trì theo kế hoạch đã đề ra.

Bên cạnh đó, khi xây dựng kế hoạch năm 2023 doanh thu giảm 0,7%, đồng thời chi phí giảm 0,9% so với thực hiện năm 2022 nhưng khi thực hiện các khoản chi phí chưa chủ động cắt giảm mà tăng 2% so với doanh thu thực hiện (các khoản mục chi phí ngoài dự kiến tăng cao như chi phí tài chính, chi phí sửa chữa thường xuyên...).

2.1.1. Các chỉ tiêu chính về hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	m ³	58.850	60.745	103,2%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	526.000	543.303	103,3%
3	Lao động bình quân (không kể người quản lý điều hành)	Người	943	926	98,3%
4	Năng suất lao động	m ³ /ng/năm	62.407	65.600	105,11%
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	69.900	84.366	120,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	53.300	44.569	83,6%
7	Bảo toàn và PT vốn	Tr.đ	433.900	439.874	101,4%

2.1.2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Trên cơ sở các dự án, công trình đầu tư XD/CB đã được HĐQT phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án công trình chuyên tiếp và các công trình đầu tư mới:

- Các dự án công trình chuyên tiếp: 55 dự án, công trình.

- Các công trình đầu tư mới: 56 dự án, công trình

Số lượng các dự án công trình nhiều nhưng tổng mức đầu tư của các dự án công trình nhỏ, phần lớn là cải tạo nâng cấp, nâng công suất, thay thế di chuyển các tuyến ống phục vụ giải phóng mặt bằng thi công đường, chỉnh trang đô thị, các công trình đầu tư mới là các công trình cấp thiết nhằm đáp ứng đủ nguồn và năng lực truyền tải cấp nước phục vụ nhu cầu bức thiết của khách hàng. Quy mô, tổng tổng mức đầu tư đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Qua giám sát chỉ đạo HĐQT nhận thấy phần lớn các công trình đều triển khai đúng tiến độ, tuy nhiên một số công trình tiến độ vẫn còn chậm do một số nguyên nhân khách quan như vướng mắc giải phóng mặt bằng, một số công trình đã thi công xong, đã được bàn giao đưa vào sử dụng đáp ứng đủ nguồn, năng lực truyền tải đảm bảo cấp nước cho khách hàng tăng doanh thu, góp phần tăng lợi nhuận, nhưng chưa hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán.

2.2. Kết quả thực hiện các nội dung khác:

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán: Trên cơ sở đề xuất của BKS, HĐQT đã lựa chọn và quyết định đơn vị kiểm toán các BCTC năm 2023 của công ty là: Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE), kịp thời thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chi trả tiền lương, thù lao cho người quản lý công ty:

Căn cứ mức tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS theo Nghị quyết ĐHĐCD ngày 28/4/2023, trên cơ sở kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016, Hội đồng quản trị đề xuất quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của HĐQT, BKS là: 1.191.132.800 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi một triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm đồng).

Cụ thể:

TT	Chức danh quản lý	Tiền lương (Đồng/tháng)	Thù lao (Đồng/tháng)	Số tháng	Tổng tiền lương thực hiện (Đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	26.752.000		12	321.024.000
2	Phó CT HĐQT	23.826.000		12	285.912.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		5.016.000	12	60.192.000
4	Trưởng BKS (CTr)	20.482.000		12	245.784.000
5	Thành viên BKS (CTr)	13.376.000		12	160.512.000
6	Thành viên BKS (CTr)	13.376.000		8	107.008.000
7	Thành viên BKS (không CTr)		2.675.200	4	10.700.800
Tổng cộng :					1.191.132.800

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

HĐQT giám sát thông qua việc xem xét các báo cáo kết quả hoạt động SXKD các tháng, quý, năm qua việc tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng và báo cáo giám sát của Ban kiểm soát để quản trị và chỉ đạo kịp thời các hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc theo các nghị quyết của HĐQT đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong năm 2023 đã có nhiều nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao, nhất là trong khi tình hình kinh tế xã hội thế giới diễn biến rất phức tạp, lạm phát tăng cao, chiến tranh Nga – Ucraina, xung đột Isarel - Palestin...cũng như trong nước diễn biến rất phức tạp nói chung và tỉnh Hải Dương nói riêng.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản theo đúng định hướng chiến lược và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ cho các thành viên và định kỳ họp để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

- Ban Tổng giám đốc đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời qua đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.

- Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị.

Tuy nhiên, trong chỉ đạo điều hành, một số dự án công trình còn chậm tiến độ, do vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng thi công và chưa quyết liệt chỉ đạo các đơn vị thi công hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán công trình.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên.

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên, các thành viên đã bám sát các nhiệm vụ được phân công cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, thường xuyên nhận được thông báo từ Chủ tịch HĐQT thông qua các văn bản Email hoặc điện thoại về tình hình hoạt động của công ty để thông nhất ý kiến chỉ đạo, quyết định và giám sát Ban tổng giám đốc triển khai thực hiện, nội bộ đoàn kết có sự phối hợp thường xuyên, kịp thời với BKS và Tổng giám đốc trong công tác giám sát và chỉ đạo.

III. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật và điều lệ công ty, Hội đồng quản trị tập trung xem xét ban hành các nghị quyết, quyết định về chủ trương, chính sách, cơ chế tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu cơ bản sau:

- + Sản lượng nước sạch doanh thu: 61.700.000 m³
- + Tổng doanh thu: 546,100 tỷ đồng
- + Năng suất lao động: 65.638 m³ /người/năm
- + Nộp ngân sách: 77,068 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế: 45,000 tỷ đồng

+ Bảo toàn và phát triển vốn của công ty

- Định hướng phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và các cổ đông, đảm bảo công bố thông tin theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác giám sát chỉ đạo Ban tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ, của HĐQT, nhất là trong lĩnh vực đầu tư XDCB nhằm đảm bảo đủ nguồn nước cấp và năng lực truyền tải đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Phối hợp với BKS kiểm soát nhằm kiểm soát chi phí nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp, của các cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT năm 2023 và định hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2024, thay mặt cho HĐQT tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của các cổ đông, sự đồng hành của BKS và Ban Tổng giám đốc.

Trân trọng kính trình ĐHCĐ thường niên thảo luận thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tài liệu Đại hội;
- Lưu:VT, BKS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phụng

Số: 89 /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 31 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023
và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước
sạch Hải Dương thông qua ngày 25/6/2021.

Căn cứ Nghị quyết số 695/NQ-ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông thông qua
ngày 28/4/2023.

Căn cứ Công văn số 1575/UBND – VP của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải
Dương ngày 15/5/2023 về việc chấp thuận quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm
2023 của Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền
lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao của
HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

I. Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2023.

1. Mức lương, thù lao và tổng quỹ lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2023:

Mức lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách	32.000.000	Đồng/tháng
Mức lương Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	28.500.000	Đồng/tháng
Mức lương Thành viên HĐQT chuyên trách	26.000.000	Đồng/tháng
Mức thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	6.000.000	Đồng/tháng
Mức lương Trưởng BKS	24.500.000	Đồng/tháng
Mức lương Kiểm soát viên chuyên trách	16.000.000	Đồng/tháng
Mức thù lao Kiểm soát viên không chuyên trách	3.200.000	Đồng/tháng

2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên
làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành
Công ty (TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng) hưởng lương chuyên trách đối với các
chức danh quản lý, lãnh đạo đó không hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức
danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS

HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 02 người: Chủ tịch HĐQT, Phó
chủ tịch HĐQT.

HDQT Hưởng thù lao có: 01 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 03 người, Trưởng BKS, 02 Thành viên.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch theo mức lương và thù lao được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua là: 1.514.400.000 đồng.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	m ³	58.850	60.745	103,2%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	526.000	543.303	103,3%
3	Lao động bình quân (không kể người quản lý điều hành)	Người	943	926	98,19%
4	Năng suất lao động	m3/ng/năm	62.407	65.600	105,11%
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	69.900	84.366	120,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	53.300	44.569	83,6%
7	Bảo toàn và PT vốn	Tr.đ	433.900	439.874	101,4%

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về thù lao, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. Tiền lương, thù lao của HDQT và BKS giảm 16,4% tương đương với mức giảm lợi nhuận.

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của HDQT, BKS là: 1.191.132.800 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi một triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm đồng).

Cụ thể:

TT	Chức danh quản lý	Tiền lương (Đồng/tháng)	Thù lao (Đồng/tháng)	Số tháng	Tổng tiền lương thực hiện (Đồng)
1	Chủ tịch HDQT	26.752.000		12	321.024.000
2	Phó CT HDQT	23.826.000		12	285.912.000
3	Thành viên HDQT (không CTr)		5.016.000	12	60.192.000
4	Trưởng BKS (CTr)	20.482.000		12	245.784.000
5	Thành viên BKS (CTr)	13.376.000		12	160.512.000
6	Thành viên BKS (CTr)	13.376.000		8	107.008.000
7	Thành viên BKS (không CTr)		2.675.200	4	10.700.800
Tổng cộng :					1.191.132.800

II. Mức tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HDQT, BKS năm 2024.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng nước sạch	m ³	61.700.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	546.100
3	Lao động bình quân	Người	940
4	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	8,81

5	Năng suất lao động	m3/ng/năm	65.638
6	Nộp ngân sách	Triệu đồng	77.068
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	45.000
8	Bảo toàn và PT vốn	Triệu đồng	439.874

2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016, và tình hình thực tế SXKD, trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị đề xuất xây dựng mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2024 cụ thể như sau:

TT	Chức danh quản lý	Mức lương (đồng/tháng)	Mức thù lao (đồng/tháng)	Số tháng	Tổng tiền lương KH (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	32.000.000		12	384.000.000
2	Phó CT HĐQT	28.500.000		12	342.000.000
3	Thành viên HĐQT (không CTr)		6.000.000	12	72.000.000
4	Trưởng BKS (CTr)	24.500.000		12	294.000.000
5	Thành viên BKS (CTr)	16.000.000		12	192.000.000
6	Thành viên BKS (CTr)	16.000.000		12	192.000.000
	Tổng cộng				1.476.000.000

Tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS là: 1.476.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

3. Quyết toán tiền lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao thực hiện.

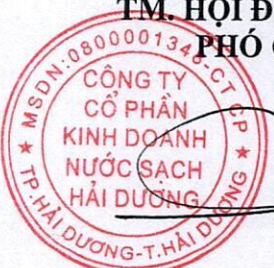
Cuối năm, căn cứ vào mức lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch tại khoản 2 mục II; Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 tại khoản 1 mục II Tờ trình này và quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phụng

Số: 870 /BC-HĐQT

Hải Dương, ngày 31 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO
Công khai lợi ích liên quan của người nội bộ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021.

Qua tổng báo cáo công khai của người nội bộ công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương tổng hợp báo cáo Đại hội đồng cổ đông về công khai lợi ích liên quan của người nội bộ cụ thể như sau:

1. Danh sách người nội bộ công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Mạnh Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Minh Cường	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Văn Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng giám đốc
4	Vũ Văn Nhân	Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc
5	Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng
6	Phạm Thị Mận	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên HĐQT- Phó tổng giám đốc
8	Trần Thị Thanh Ngân	Trưởng Ban kiểm soát
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên Ban kiểm soát
10	Trần Thị Huệ	Thành viên Ban kiểm soát
11	Trần Hữu Định	Thư ký công ty – Người quản trị nội bộ

2. Lợi ích có liên quan của người nội bộ

2.1. Ông Vũ Mạnh Dũng – Chủ tịch HĐQT

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 39.400 cổ phiếu, chiếm 0,124% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 9.564.742 cổ phiếu, chiếm 30% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thị Hà	141786513	Em gái	7.300	0,0229
2	Nguyễn Bá Quyết	141786366	Em rể	232.200	0,73

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Hưởng lương Chủ tịch HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.2. Ông Phạm Minh Cường - Thành viên HĐQT

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 117.403 cổ phiếu, chiếm 0,368% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Bích Liên	141550662	Vợ	8.100	0,025
2	Phạm Trung Kiên	141361402	Em trai	17.800	0,056

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Hưởng lương Tổng giám đốc.
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.3. Ông Nguyễn Văn Phụng - Phó Chủ tịch HĐQT

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 28.700 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Trâm Anh	142351170	Con gái	8.100	0,025
2	Phạm Văn Thao	142161062	Con rể	3.300	0,01

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.4. Ông Vũ Văn Nhân - Thành viên HĐQT – PTGD

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 29.200 cổ phiếu, chiếm 0,092% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Văn Lực	141371768	Em trai	6.300	0,0198
2	Vũ Văn Tuấn	141635876	Em trai	2.000	0,0063
3	Vũ Văn Tú	141601792	Em trai	6.600	0,0207

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó tổng giám đốc.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.5. Bà Nguyễn Thị Hương - Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 24.325 cổ phiếu, chiếm 0,076% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Đỗ Ngọc Phương	141363678	Chồng	6.300	0,020
2	Đỗ Minh Phương	142575478	Con gái	5.100	0,016
3	Nguyễn Thị Hằng	141355936	Chị gái	6.365	0,020

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Kế toán trưởng và phụ cấp Trưởng phòng Tài chính kế toán.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.6. Bà Phạm Thị Mận - Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương: 3.900.000 cổ phiếu, chiếm 12,232% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân tại công ty khác: Cổ phần tại Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương chiếm 40% vốn điều lệ; cổ phần tại Công ty TNHH Hà Đức Trang chiếm 95% vốn điều lệ.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị.

Lợi ích khác liên quan đối với Công ty: Không có.

2.7. Ông Nguyễn Thanh Sơn – Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 30.100 cổ phiếu, chiếm 0,09% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Hải Dương: 2.789.716 cổ phiếu, chiếm 8,75% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	142360219	Em gái	7.065	0,022
2	Nguyễn Văn Đoàn	141241863	Anh rể	36.900	0,116
3	Vũ Bá Long	142265395	Em rể	27.300	0,086

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Phó tổng giám đốc công ty.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.8. Bà Trần Thị Thanh Ngân - Trưởng BKS

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 11.851 cổ phiếu, chiếm 0,037% vốn điều lệ.

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Trưởng Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.9. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thành viên BKS

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 8.400 cổ phiếu, chiếm 0,026% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Số CMND	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Quốc Nghĩa	141939518	Anh trai	7.865	0,025
2	Phạm Thị Yên	142493161	Chị dâu	8.200	0,02

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương thành viên Ban kiểm soát chuyên trách.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.10. Bà Trần Thị Huệ - Thành viên BKS

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,003% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có



Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

2.11. Ông Trần Hữu Định – Thư ký công ty – Người phụ trách quản trị công ty

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

Sở hữu cá nhân: 5.365 cổ phiếu, chiếm 0,00017% vốn điều lệ.

Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương Thư ký công ty

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng mua nước sạch với nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng Hải Dương;

- Hợp đồng bán nước sạch cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty cổ phần cấp nước Xuân Hưng.

Các hợp đồng chuyển tiếp trước khi công ty chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần, giá bán buôn nước sạch theo phương án giá tiêu thụ nước sạch được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt.

Trên đây là báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Trân trọng kính trình ĐHCĐ thường niên thảo luận thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phụng

Số: 872/TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 31 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh và chủ trương thành lập chi nhánh
Trung tâm kiểm định đồng hồ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;

Nhằm đảm bảo công tác sửa chữa, thay thế và kiểm tra, kiểm định tính chính xác của đồng hồ đo nước lạnh của các hộ khách hàng do Công ty quản lý, cũng như mở rộng bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét quyết định:

- Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh đối với ngành nghề kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định thành lập Chi nhánh Trung tâm kiểm định đồng hồ khi thấy cần thiết và triển khai các thủ tục đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tài liệu Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phụng

Số: 874/BC-BKS

Hải Dương, ngày 31 tháng 5 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021;

Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành tại Quyết định số 1067/QĐ-BKS ngày 29/6/2021;

Căn cứ kế hoạch công tác của Ban kiểm soát và kết quả thực hiện kiểm soát của Ban kiểm soát năm 2023;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương báo cáo hoạt động của Ban năm 2023 như sau:

I. MỤC TIÊU KIỂM SOÁT

1. Kiểm soát tuân thủ: Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, kiểm tra trực tiếp tại các chi nhánh nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng từ đó đề xuất kiến nghị những giải pháp phù hợp cho Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty.

3. Kiểm soát Báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm Soát

Số TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thị Thanh Ngân	Trưởng ban	16/3/2017	4	100%	
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	KSV	16/3/2017	4	100%	
3	Trần Thị Huệ	KSV	30/6/2022	4	100%	

2. Triển khai công việc của Ban Kiểm soát Công ty

Năm 2023, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành của Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Hàng quý Ban Kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

- Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, giám sát các hoạt động và đưa ra các ý kiến về báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty.

- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản; xem xét các chỉ số và tỷ trọng chỉ tiêu hàng quý và năm thông qua các buổi họp định kỳ của Ban kiểm soát.

- Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, họp giao ban hàng tháng và các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT và TGD chủ trì để nắm bắt kịp thời tình hình SXKD của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Phối hợp với các phòng ban trong công tác kiểm tra, giám sát để nâng cao chất lượng quản trị, hạn chế và phòng ngừa rủi ro.

3. Tổng hợp các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2023

Năm 2023 Ban kiểm soát tổ chức họp 4 lần, cụ thể như sau:

Cuộc họp lần thứ nhất ngày 30/1/2023: Thông qua kết quả kiểm toán BCTC năm 2022, triển khai kế hoạch hoạt động ban 6 tháng đầu năm;

Cuộc họp lần thứ hai ngày 06/04/2023: Soát xét báo cáo tài chính quý 1/2023, xây dựng báo cáo thường niên trình ĐHĐCĐ và một số công việc chuyên môn khác;

Cuộc họp lần thứ ba ngày 01/8/2023: Gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông qua Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023
- b. Phân tích, đánh giá các chỉ số tài chính 6 tháng đầu năm
- c. Triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm

Cuộc họp thứ tư ngày 22/12/2023: Gồm những nội dung sau:

a. Họp tổng kết công tác Ban kiểm soát năm 2023 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2024. Xây dựng báo cáo kết quả hoạt động của Ban 6 tháng cuối năm 2023 và báo cáo tổng kết Ban trình ĐHĐCĐ

b. Triển khai kế hoạch soát xét báo cáo tài chính năm 2023

c. Tham gia ý kiến vào Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2024

Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở kiểm soát, Ban kiểm soát nhận thấy Công ty tuân thủ đúng pháp luật, không có thiếu sót trọng yếu, các yếu tố rủi ro có thể xảy ra được dự báo trước để có biện pháp phòng ngừa.

4. Đánh giá kết quả từng thành viên

4.1. Bà Trần Thị Thanh Ngân: Trưởng ban

Trưởng ban kiểm soát đã thực hiện đúng quyền và trách nhiệm theo mục 3 Điều 37, Khoản 1 Điều 38 Điều lệ Công ty; thực hiện triệu tập và chủ trì các phiên họp Ban kiểm soát; đề nghị HĐQT, Tổng giám đốc và các các bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin liên quan phục vụ công việc của BKS; tổng hợp và lập báo cáo của Ban kiểm soát sau khi có ý kiến tham khảo của HĐQT và trình lên ĐHĐCĐ; tổng hợp và lập biên bản kiểm soát định kỳ và đột xuất của Ban kiểm soát. Phụ trách và giải quyết trực tiếp các yêu cầu đột xuất theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

Thường xuyên cập nhật các chế độ, quy định của pháp luật để kiểm tra tính tuân thủ, kiểm soát về công tác đầu tư, sổ sách chứng từ kế toán.

Cùng với các thành viên BKS sâu sát trong việc kiểm soát hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2023 bám sát theo định hướng phát triển được ĐHĐCĐ thông qua.

4.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kiểm Soát viên chuyên trách.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Kiểm tra, kiểm soát công tác tổ chức của Công ty;
- Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản cố định và thực hiện các dự án đầu tư;

- Kiểm tra, kiểm soát công tác tổ chức hạch toán, luân chuyển chứng từ, tính hợp pháp và hợp lý chứng từ kế toán, việc thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước;

- Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý tiền mặt, ngân hàng, công nợ, hàng hóa, tài sản ngắn hạn;

- Kiểm tra, kiểm soát doanh thu, chi phí, phân tích báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Phối hợp làm việc với tổ chức kiểm toán độc lập để xem xét báo cáo tài chính của Công ty, cùng làm rõ các vấn đề do kiểm toán đưa ra (nếu có);

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trường ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong việc, phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên BKS.

4.3. Bà Trần Thị Huệ - Kiểm soát viên – Kiểm soát viên chuyên trách

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Kiểm tra, kiểm soát thực hiện sản xuất kinh doanh bám sát với định hướng chiến lược kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương thông qua;

- Kiểm tra, kiểm soát thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động;

- Kiểm soát thực hiện các quy trình sản xuất, công nghệ, quy định về an toàn lao động, công tác phòng chống cháy nổ

- Xem xét thực hiện phân chia cổ tức, kiểm tra công tác ký kết hợp đồng;

- Kiểm tra kiểm soát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật bao gồm: nghĩa vụ thuế, phí, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác;

- Phối hợp làm việc với tổ chức kiểm toán độc lập để xem xét báo cáo tài chính của Công ty, cùng làm rõ các vấn đề do kiểm toán đưa ra (nếu có);

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trường ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong việc phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên BKS.

Trên cơ sở kết quả nêu trên, Ban kiểm soát tự đánh giá: Tập thể BKS và các thành viên BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; quá trình kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Tổng giám đốc và các mặt hoạt động khác của Công ty.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SXKD

1. Kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023

Năm 2023 là năm rất khó khăn do ảnh hưởng chung tình hình kinh tế thế giới, tỷ giá ngoại tệ nhiều biến động ... dẫn đến một số doanh nghiệp cắt giảm sản xuất. Đặc biệt năm 2023, do một số nguyên nhân khách quan, mặc dù Công ty đã tiết giảm chi phí cân đối dòng tiền Công ty nhưng năm 2023 Công ty đã không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, tỷ lệ trả cổ tức do ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 giao. Cụ thể như sau:

1.1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2023

Ban kiểm soát thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, thống nhất đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023 của Công ty cổ phần KDNS Hải Dương như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Sản lượng nước máy thương phẩm	1.000 m ³	58.850	60.745	103%
2	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	11	10,5	Giảm 0,3%
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	526.000	543.303	103%
4	Tổng chi phí	Tr.đồng	459.000	486.102	105,91%
5	Tổng số lao động	Người	943	926	Giảm 17 người
6	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000 đ	8.725	8.809	101%
7	Nộp Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	69.900	84.366	121%
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	67.000	57.160	85,31%
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	53.300	44.569	83,62%
10	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	7,9	7,9	100%

Giải trình về việc không hoàn thành lợi nhuận năm 2023:

Năm 2023, doanh thu tăng 3,29% so với kế hoạch, Chi phí tăng 5,91% so với kế hoạch, trong đó: chi phí sửa chữa thường xuyên tăng 13,6% so với kế hoạch, chi phí tài chính tăng 27,7% so với kế hoạch. Từ những nguyên nhân, giải trình các chi phí thực hiện phát sinh lớn so với kế hoạch năm 2023 trên, dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2023 giảm so với kế hoạch.

Sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Lợi nhuận sau thuế phân phối theo thứ tự quy định tại khoản 17 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ Công ty thực hiện như sau: Nộp lại lợi nhuận cho ngân sách nhà nước theo QĐ số 3184/QĐ-XPHC ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương; Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển nhưng công ty đã chủ động giảm xuống và Quỹ khen thưởng phúc lợi của người lao động tối đa bằng 03 tháng lương thực hiện, công ty đã giảm xuống còn 0,3 tháng lương; không trích Quỹ thưởng ban điều hành do lợi nhuận sau thuế không hoàn thành so với kế hoạch; Lợi nhuận còn lại thực hiện chi trả cổ tức giữ nguyên theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê chuẩn.

Bên cạnh đó, khi xây dựng kế hoạch năm 2023 doanh thu giảm 0,7%, đồng thời chi phí giảm 0,9% so với thực hiện năm 2022 nhưng khi thực hiện các khoản chi phí chưa chủ động cắt giảm mà tăng 2% so với doanh thu thực hiện (các khoản mục chi phí ngoài dự kiến tăng cao như chi phí tài chính, chi phí sửa chữa thường xuyên...).

1.2. Thực hiện phương án tiền lương HĐQT, BKS, Ban điều hành, người lao động năm 2023

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Chủ tịch HĐQT	Tr.đ/ng/th	32	26,752	83,6%
2	Phó Chủ tịch HĐQT	Tr.đ/ng/th	28,5	23,826	83,6%
3	Thành viên HĐQT (không Ch.tr)	Tr.đ/ng/th	6	5,02	83,6%
4	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đ/ng/th	24,5	20,482	83,6%
5	Thành viên BKS chuyên trách	Tr.đ/ng/th	16	13,376	83,6%
6	Thành viên BKS (không ch.tr)	Tr.đ/ng/th	3,2	2,675	83,6%
7	Tổng Giám đốc	Tr.đ/ng/th	30	25,080	83,6%
8	Phó Tổng Giám đốc	Tr.đ/ng/th	27,5	22,990	83,6%
9	Kế toán trưởng	Tr.đ/ng/th	24,5	20,482	83,6%
10	Người lao động	Tr.đ/ng/th	8,725	8,809	100,86%

- Quỹ tiền lương thực hiện của HĐQT, Ban kiểm soát: 1.191.132.800 đ
- Quỹ tiền lương thực hiện của TGD, các Phó TGD, Kế toán trưởng: 1.098.504.000 đ
- Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 97.891.200.000 đ

1.3. Trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 12.172.599.622 đ
- Quỹ đầu tư phát triển: 15.874.682.667 đ

1.4. Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 695/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023. Tỷ lệ cổ tức: 7,8%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 780 đồng) Tổng số tiền chi trả là 24.868.326.600 đ

b. Thời gian chi trả cổ tức: ngày 25/9/2023

Riêng cổ tức của cổ đông nhà nước thực hiện chi trả vào ngày 25/09/2023, số tiền theo quy định tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 đảm bảo thời hạn chi trả cổ tức trong vòng 45 ngày kể từ ngày có thông báo chi trả cổ tức.

c. Các cổ đông chưa lưu ký nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đăng ký theo mẫu Công ty quy định.

Trong quá trình trả cổ tức BKS đã phối hợp với công ty hỗ trợ các cổ đông, giải đáp mọi thắc mắc liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các cổ đông.

2. Kết quả giám sát tài chính

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động SXKD, báo cáo lưu chuyển tiền tệ

và bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE.LTD), xem xét các hồ sơ kế toán đến thời điểm 31/12/2023. Sau khi xem xét, kiểm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2023 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, thực hiện hạch toán của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

- Công ty tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm mô hình hoạt động SXKD và quản lý của Công ty.

- Báo cáo Tài chính năm 2023, Ban kiểm soát có một số ý kiến sau:

+ Ban kiểm soát nhất trí với BCTC năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE.Ltd).

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2023

(Số liệu được trích từ BCTC năm 2023 đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: VN đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023	Tăng – Giảm
A	Tài sản ngắn hạn	70.209.983.614	68.545.958.833	1.664.024.781
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.181.753.692	3.595.887.219	8.585.866.473
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	19.455.621.259	22.344.360.197	(2.888.738.938)
IV	Hàng tồn kho	37.492.013.499	41.370.654.701	(3.878.641.202)
V	Tài sản ngắn hạn khác	1.080.595.164	1.235.056.716	(154.461.552)
B	Tài sản dài hạn	882.980.685.085	917.741.637.647	(34.760.952.562)
II	Tài sản cố định	833.240.719.001	868.209.598.022	(34.968.879.021)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	3.838.390.878	12.264.856.587	(8.426.465.709)
VI	Tài sản dài hạn khác	45.901.575.206	37.267.183.038	8.634.392.168
	Tổng cộng tài sản	953.190.668.699	986.287.596.480	(33.096.927.781)
C	Nợ phải trả	513.316.644.338	552.387.903.738	(39.071.259.400)
I	Nợ ngắn hạn	132.168.216.259	147.848.228.947	(15.680.012.688)
II	Nợ dài hạn	381.148.428.079	404.539.674.791	(23.391.246.712)
D	Vốn chủ sở hữu	439.874.024.361	433.899.692.742	5.974.331.619
I	Vốn chủ sở hữu	439.874.024.361	433.899.692.742	5.974.331.619
1	Vốn góp của chủ sở hữu	318.824.708.995	318.824.708.995	
2	Vốn khác của chủ sở hữu	82.922.526.064	79.500.393.282	3.422.132.782
3	Quỹ đầu tư phát triển	7.273.531.461	10.690.981.576	(3.417.450.115)
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.853.257.841	24.883.608.889	5.969.648.952
	Tổng cộng nguồn vốn	953.190.668.699	986.287.596.480	(33.096.927.781)

b. Bộ chỉ số đánh giá sức khỏe tài chính của Công ty.

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023	Chênh lệch
I. Cơ cấu tài sản				
1	Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	0,93	0,93	0
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,07	0,07	0
II. Cơ cấu nguồn vốn				
1	Nợ phải trả/Vốn CSH	1,17	1,27	-0,1
2	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,54	0,56	-0,02
3	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	0,46	0,44	+0,02
III. Khả năng thanh toán.				
1	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng TS/Tổng nợ phải trả)	1,86	1,79	+0,07
2	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	0,53	0,46	+0,07
3	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/Nợ NH)	0,25	0,18	+0,07
4	Khả năng thanh toán nợ dài hạn (Giá trị còn lại của TSCĐ/Nợ DH)	2,19	2,15	+0,04
5	Khả năng thanh toán lãi vay (LN trước thuế và lãi vay/lãi vay)	4,15	5,56	-1,41
IV. Hiệu quả.				
1	Tỷ suất sinh lợi của tổng tài sản - ROA (LNST/Tổng TS)	4,68%	5,77%	-1,09
2	Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu - ROE (LNST/Vốn CSH)	10,13%	12,20%	-2,07
3	Tỷ suất sinh lợi doanh thu thuần - ROS (LNST/Doanh thu thuần)	8,20%	10,11%	-1,91
4	EPS - Tỷ suất lợi nhuận trên cổ phiếu (LNST/Tổng cổ phiếu)	1.397,93	1.659,71	-261,78
5	BV - Giá trị sổ sách (Tổng TS – TSCĐ vô hình – Tổng nợ)/ Tổng số cổ phiếu lưu hành	13.790	13.598	+192

Nhận xét: Theo số liệu trên BCTC năm 2023 và bảng tính toán bộ chỉ số đánh giá sức khỏe tài chính của Công ty thì chúng tôi có một số nhận xét như sau:

- Về cơ cấu tài sản: Không có sự thay đổi về cơ cấu tài sản, nhưng xét từng chỉ tiêu tài chính cụ thể thì có nhiều sự thay đổi có ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của công ty:

+ Tài sản ngắn hạn tăng 1.664.024.781 đồng, là do số dư tiền tăng 8.585.866.473đ, phải thu của khách hàng giảm (-2.888.738.938 đ) và giảm hàng tồn kho (-3.878.641.202 đ), Công ty đã rất tích cực thu hồi công nợ và rà soát tận dụng sử dụng hàng tồn kho có sẵn trong kho nên tiết kiệm được nguồn tiền hiệu quả hơn.

+Tài sản dài hạn giảm (-34.760.952.562) đ, trong đó TSCĐ giảm (-34.968.879.021 đ), TSCĐ dở dang giảm (-8.426.465.709 đ) và tài sản dài hạn khác tăng 8.634.392.168 đ (Phần tăng này chủ yếu là phần chi phí SCTX hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ). Việc tăng chi phí phân bổ dài hạn cũng làm ảnh hưởng lớn đến dòng tiền của Công ty. Các hạng mục tài sản đã được đầu tư cơ bản đảm bảo việc cung cấp nước cho toàn tỉnh.

- Về cơ cấu nguồn vốn: Cơ cấu Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu giảm -0,1, Nợ phải trả/tổng nguồn vốn giảm -0,02 và cơ cấu NVCSH/Tổng NV tăng +0,02, Nợ phải trả giảm (-39.071.259.400đ) so với năm 2022. Trong đó Nợ phải trả ngắn hạn giảm (-15.680.012.688đ), Nợ dài hạn giảm (-23.391.246.712 đ) dẫn đến vốn lưu động ròng giảm xuống còn -61.958.232.645 đ so với năm 2022 là -79.302.270.114 đ. Công ty đã rất nỗ lực trong việc cân đối nguồn tiền trả nợ. Tuy nhiên vốn lưu động ròng vẫn âm lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến dòng tiền của Công ty.

- Về hệ số thanh toán thì hệ số thanh toán tổng quát, hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh, hệ số thanh toán nợ dài hạn đều tốt, nhưng hệ số thanh toán lãi vay giảm nhiều (-1,41) do lợi nhuận trước thuế không đạt so với kế hoạch.

- Về hệ số đánh giá hiệu quả SXKD: Cơ bản các chỉ số đều giảm so với năm 2022 do lợi nhuận năm 2023 chỉ đạt 83,62% so với kế hoạch

+ Chỉ số BV tăng +192 so với năm 2022 cho thấy hiệu quả SXKD của Công ty vẫn được đảm bảo và phát triển.

c. Tình hình các khoản công nợ

* Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	01/01/2023	31/12/2023	Chênh lệch
Phải thu của khách hàng	18.247.737.180	15.008.787.963	(3.238.949.217)
Phải thu khác	1.496.477.020	1.838.624.852	342.147.832
Nợ phải thu	2.600.145.997	2.608.208.444	8.062.447
Tổng	22.344.360.197	19.455.621.259	(2.888.738.938)

Nhận xét:

- Nợ phải thu cuối kỳ giảm 2.888.738.938 đồng, trong đó chủ yếu phải thu của khách hàng giảm 3.238.949.217 đ, cho thấy trong kỳ công ty đã tích cực đôn đốc thu hồi công nợ. Đề nghị Công ty tăng cường hơn nữa công tác thu hồi công nợ, điều chỉnh các quy định về thanh toán đối với các khách hàng lớn nhằm hạn chế tối đa công nợ phải thu, tăng dòng tiền cho Công ty.

* Các khoản phải trả

	Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023	Chênh lệch
I	Nợ ngắn hạn	132.168.216.259	147.848.228.947	(15.680.012.688)
1	Phải trả người bán ngắn hạn	70.104.347.390	73.470.646.703	(3.366.299.313)
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.900.144.688	1.963.167.701	(63.023.013)
3	Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	6.801.944.124	11.846.457.961	(5.044.513.837)
4	Phải trả người lao động	6.273.037.456	6.071.968.635	201.068.821
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	176.275.799	198.310.274	(22.034.475)
6	Phải trả ngắn hạn khác	13.388.022.541	6.330.867.396	7.057.155.145
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.949.733.219	24.073.384.557	876.348.662
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.574.711.042	23.893.425.720	(15.318.714.678)
II	Nợ dài hạn	381.148.428.079	404.539.674.791	(23.391.246.712)
1	Phải trả dài hạn khác	126.894.020.313	134.096.020.313	(7.202.000.000)
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	254.254.407.766	270.443.654.478	(16.189.246.712)
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	513.316.644.338	552.387.903.738	39.071.259.400)

- Nợ phải trả cuối kỳ giảm 39.071.259.400 đ, do Nợ ngắn hạn giảm 15.680.012.688 đ và Nợ dài hạn giảm 23.391.246.712 đ. Công ty đã rất nỗ lực trong việc cân đối nguồn tiền trả nợ. Nợ ngắn hạn giảm dẫn đến vốn lưu động ròng -61.958.232.645 đ. Tuy nhiên vốn lưu động ròng vẫn âm lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến dòng tiền của Công ty khiến Công ty phải thường xuyên đảo nợ ngắn hạn (Vay nợ mới trả nợ cũ) tạo ra tình trạng căng thẳng tài chính và khó khăn trong khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn. Do vậy đề nghị Công ty sắp xếp cân đối lại nguồn vốn, nhanh chóng thiết lập lại trạng thái cân bằng tài chính.

d. Công tác đầu tư XDCB

- Các dự án công trình chuyển tiếp từ năm 2022 sang: 55 công trình
- Các dự án công trình đầu tư mới năm 2023: 56 công trình

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ ĐTXDCB NĂM 2022

STT	Nội dung	Giá trị ĐK	Giá trị phát sinh	Giá trị hoàn thành	Dở dang CK
1	Các công trình chuyển tiếp từ năm 2021 sang	39.080.683.769	4.338.297.576	5.844.057.779	7.332.544
2	Các công trình mới đầu tư, mua sắm 2022		87.912.226.010	113.222.292.989	12.257.524.043
	Tổng	39.080.683.769	92.250.523.586	119.066.350.768	12.264.856.587

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ ĐTXDCB NĂM 2023

STT	Nội dung	Giá trị ĐK	Giá trị phát sinh	Giá trị hoàn thành	Dở dang CK
1	Các công trình chuyển tiếp từ năm 2022 sang	12.264.856.587	18.187.538.493	27.703.452.636	2.748.942.444
2	Các công trình mới đầu tư, mua sắm 2023		46.695.062.660	45.605.614.226	1.089.448.434
	Tổng	12.264.856.587	64.882.601.153	73.309.066.862	3.838.390.878

Nhận xét: Năm 2023, giá trị ĐTXDCB hoàn thành giảm 45.757.283.906 đ so với năm 2022 do Công ty rất sát sao trong việc lựa chọn các dự án đảm bảo cấp thiết, phù hợp với tình hình tài chính hiện tại của Công ty; giá trị ĐTXDCB dở dang cuối kỳ giảm còn 3.838.390.878đ. Công ty đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án được chuyển tiếp từ năm 2022 và các dự án mới năm 2023, đưa vào tăng tài sản tổng giá trị 74.870.851.421 đ.

Các công trình dự án đầu tư năm 2023 đều là những công trình dự án quan trọng, thiết yếu, phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty. Sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy giá trị kinh tế, xã hội đảm bảo mục tiêu cung cấp đầy đủ nước sạch sinh hoạt cho nhân dân và nước sạch sản xuất cho các cơ quan, doanh nghiệp.

e. Tài sản cố định hữu hình

* Nguyên giá:

- Số dư đầu kỳ: 1.926.646.631.595 đ

- Tăng trong kỳ: 74.870.851.421 đ, trong đó:

+ Tăng do mua sắm mới TSCĐ: 4.103.105.682 đ

+ Tăng do đầu tư XD CB hoàn thành: 70.767.745.739 đ

- Giảm trong kỳ : 2.203.313.558 đ

+ Phá dỡ nhà cửa, vật kiến trúc: 2.203.313.558 đ

- Số dư cuối kỳ: 1.926.646.631.595 đ

Trong đó tài sản hết khấu hao vẫn sử dụng: 297.213.570.858 đ

* Giá trị hao mòn lũy kế

- Số dư đầu kỳ: 1.058.791.846.882 đ

- Tăng trong năm: 109.559.711.607 đ

- Giảm do phá dỡ nhà cửa vật kiến trúc: 2.078.034.703 đ

- Số dư cuối kỳ: 1.166.273.523.786 đ

* Giá trị còn lại

- Giá trị còn lại đầu kỳ: 867.854.784.713 đ

- Giá trị còn lại cuối kỳ: 833.040.645.672 đ

f. Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Người có liên quan thực hiện giao dịch với Công ty là bà Phạm Thị Mận – Chủ tịch HĐQT Công ty Cấp nước Phúc Hưng Hải Dương, là đại diện ủy quyền của Công ty cấp nước Phúc Hưng là tổ chức sở hữu 12% cổ phần. Hiện bà Mận đang giữ chức thành viên HĐQT Công ty cổ phần KDNS Hải Dương

Hợp đồng giữa mua bán nước qua đồng hồ tổng giữa Công ty cổ phần KDNS Hải Dương và Công ty cấp nước Phúc Hưng đã được ĐHĐCĐ năm 2018 chấp thuận.

Các giao dịch phát sinh trong năm 2023 như sau:

Mua hàng: 13.266.032.400 đ tăng 260.578.800 đ so với năm 2022

Phải trả người bán: 1.999.309.840 đ giảm 286.494.060 đ so với năm 2022

3. Giám sát việc thực hiện Nội quy, quy chế và đảm bảo chế độ, quyền lợi của người lao động.

Công ty đã xây dựng được hệ thống các quy chế quản lý nội bộ: Quy chế tổ chức và quản lý, Quy chế tổ chức cán bộ, Quy chế khoán tiền lương và các chi phí khác, Quy chế thi đua khen thưởng, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động.... Trong năm qua Công ty đã tuân thủ đúng và nghiêm chỉnh các quy định trong Quy chế quản lý nội bộ và các quy định khác của pháp luật.

Các chế độ quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng Luật lao động; việc chi trả lương hàng tháng thực hiện đúng thời gian quy định, các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ, thu nhập của người lao động được đảm bảo ổn định và cao hơn kế hoạch.

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG.

1. Đối với HĐQT

HĐQT đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/4/2023. HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp, ban hành 06 Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được tổ chức và tiến hành đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành, được sự thống nhất cao của các thành viên.

2. Đối với Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã triển khai để các Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của pháp luật, chỉ đạo quyết liệt chi tiết, cụ thể kịp thời, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị. Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc để điều hành SXKD; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

3. Đối với các nhà đầu tư, cổ đông

Giữa hai kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên 2022-2023, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hay cổ đông lớn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty và các đơn vị trực thuộc

Ban kiểm soát luôn luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác trong các hoạt động của Ban. Sẵn sàng tiếp nhận thông tin kiểm tra xem xét khi có yêu cầu của HĐQT, của Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.

- HĐQT, Tổng giám đốc đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, quyết định cho BKS, tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, giúp BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

- Tham gia xây dựng kế hoạch SXKD của Công ty năm 2024;
- Thẩm định BCTC hàng quý, bán niên và cả năm 2024;
- Tham gia công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Xây dựng báo cáo quản trị 6 tháng, cả năm và báo cáo thường niên trình ĐHĐCĐ;
- Đánh giá lại cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ;
- Đề xuất lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2024;

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về chi trả cổ tức năm 2023 và thực hiện kế hoạch hoạt động SXKD năm 2024;

- Thực hiện Các chương trình soát xét khác.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát năm 2023.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua.

Nơi nhận:

- BTC ĐHĐCĐ;
- HĐQT; Ban TGD;
- Ban KS;
- Lưu VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Thanh Ngân



Số: 873/TTr-BKS

Hải Dương, ngày 31 tháng 05 năm 2024

TỜ TRÌNH

Thông qua tiêu chí và danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập các báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương thông qua ngày 25/6/2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021;

Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023 của Bộ tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn, danh sách đề xuất lựa chọn các doanh nghiệp kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập thuộc danh sách các doanh nghiệp kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024 theo quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023 của Bộ tài chính và được UBCK nhà nước chấp thuận;

- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và kinh nghiệm, trung thực, khách quan, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp;

- Không có quan hệ mua bán cổ phiếu, tài sản hoặc góp vốn liên doanh với Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Danh sách đề xuất các đơn vị kiểm toán:

1. Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)

2. Công ty TNHH kiểm toán An Việt (ANVIET)

3. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY (UHY)

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban
Trần Thị Thanh Ngân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị.

Căn cứ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước
sạch Hải Dương ngày 25/6/2021.

Tôi tên là: Phạm Minh Cường
Sinh ngày 01 tháng 4 năm 1963.

Được sự tín nhiệm của ĐHĐCĐ, HĐQT ngày 28/4/2022 Tôi được ĐHĐCĐ
thành lập Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bầu làm Thành viên
HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 và được HĐQT bầu làm Tổng giám đốc công ty
nhiệm kỳ 2022-2027. Trong thời gian công tác từ tháng 4/2017 đến tháng
05/2024 trên cơ sở quyền hạn, nhiệm vụ được giao, dưới sự đoàn kết, hỗ trợ, giúp
đỡ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và các phó
Tổng giám đốc, Tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông, Hội
đồng quản trị tin tưởng giao.

Thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động kể từ ngày 01/5/2024, Tôi
được nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Vậy Tôi làm đơn này kính đề nghị
ĐHĐCĐ, HĐQT chấp thuận cho tôi xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT
nhiệm kỳ 2022-2027.

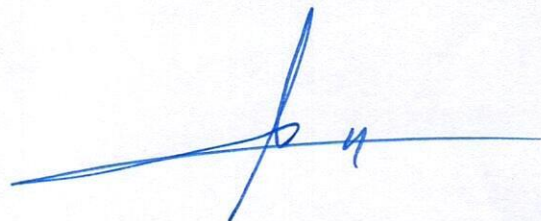
Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh
doanh nước sạch Hải Dương xem xét, chấp thuận.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ.

Hải Dương, ngày 22 tháng 4 năm 2024
NGƯỜI LÀM ĐƠN



Phạm Minh Cường